TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Bích Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khưu Liên Dung**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Tố Như** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phạm T.Q.N**, sinh năm 2001. Địa chỉ: Ấp Z1, xã V1, huyện H1, tỉnh Bạc Liêu.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn L.H**, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp B1, xã V1, thành phố B1, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N và anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm T.Q.N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh H chung sống vợ chồng từ năm 2019, có tổ chức đám cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã V1, thành phố B1, tỉnh Bạc Liêu. Trong hai tháng đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống bình thường, không xảy ra vấn đề gì. Tuy nhiên, thời gian sau đó thì anh H thường xuyên đi làm về khuya, nhậu nhẹt bên ngoài, về nhà gây gỗ, cãi vã, có lần còn đánh chị N. Chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Từ tháng 02 năm 2020 thì chị N bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống

gia đình không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn L.H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa án để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào cho Tòa án. Anh H đã được triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm T.Q.N với anh Nguyễn L.H. Cho chị Phạm T.Q.N ly hôn anh Nguyễn L.H.

2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm T.Q.N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Chị Phạm T.Q.N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn L.H. Anh H có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm T.Q.N và anh Nguyễn L.H tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2019, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 27/11/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu là có xảy ra trên thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[4] Chị N xác định: Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H thường xuyên đi làm về khuya, nhậu nhẹt bên ngoài, về nhà gây gỗ, cãi vã, có lần còn đánh chị N. Chị N đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, gắn bó, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và phải cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình. Xét chị N và anh H đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay mà vẫn không hàn gắn được tình cảm, không thể sống chung với nhau được. Về phía anh H, Tòa án đã nhiều lần triệu tập làm việc để xác định ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do cho thấy anh H không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, chị N xác định bản thân chị đã không còn tình cảm với anh H, không có yêu cầu đoàn tụ mà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng nguyên tắc Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ và căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh H.

[6] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm T.Q.N với anh Nguyễn L.H. Cho chị Phạm T.Q.N ly hôn anh Nguyễn L.H.

2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm T.Q.N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003014 ngày 15/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bích Ngọc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.